

Bản án số: 229/2026/HS-ST
Ngày 28-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi
2. Ông Phan Văn Cường

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình S thụ lý số: 257/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2026/QĐXXST- HS ngày 18/5/2026 đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Vân Quỳnh N, sinh năm 2002 tại tỉnh An Giang; thường trú: 15/68, tổ 14, khóm T, phường M, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Số 91, đường số 4, KDC Đ, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: Nữ; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thụy P L, sinh năm 1980; có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; có chồng tên Nguyễn Hoài T, sinh năm 1995 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con ruột, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2024; có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2025 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Hoài T, sinh năm 1995 tại Thành phố Cần Thơ; thường trú: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp Phụng Tường 2, xã N, Thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; có 02 em ruột, lớn sinh năm

1997, nhỏ sinh năm 2002; vợ tên Huỳnh Vân Quỳnh N, sinh năm 2002; có 02 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2025, có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979 tại tỉnh An Giang; thường trú: Tổ 33, ấp B, xã N, huyện An Phú (nay là xã N), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1955 (chết) và bà Phạm Thị Bé H, sinh năm 1960; có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1994; vợ tên Âu Thị Cẩm L, sinh năm 1978; có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2025, có mặt tại phiên tòa.

4/ Đỗ Hoàng S, sinh năm 1996 tại tỉnh Đồng Tháp; thường trú: Số nhà 327, ấp B 1, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Đỗ Văn T (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1980; vợ tên Lương Thị P, sinh năm 1999; có 01 con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2025, có mặt tại phiên tòa.

5/ Danh D, sinh năm 2003 tại Thành phố Cần Thơ; thường trú: Ấp T, xã H, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Danh Minh C, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2025, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Văn P, sinh năm 2000; thường trú: Tổ 33, ấp B, xã N, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2/ Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1986; thường trú: Khóm B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3/ Trần Thị P, sinh năm 1971; thường trú: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Lê Văn A, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Đinh Công K, sinh năm 1984. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Nguyễn Hoài T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, còn Huỳnh Vân Quỳnh N là bạn gái của T, cả hai sống chung N vợ chồng, có 02 con chung tại ki ốt số 91 đường số 4, khu dân cư Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), N không sử

dụng trái phép chất ma túy nhưng không có nghề nghiệp ổn định và đang nuôi con nhỏ. Để có tiền tiêu xài từ tháng 01/2025, N và T mua ma túy loại Methamphetamin về bán lại cho các đối tượng nghiện khác. Quá trình sinh sống tại dãy trọ, N và T có quen biết với người phụ nữ tên Trần Trịnh Lam P và sau đó N kết bạn Facebook với P. P nói với N lấy ma túy của P bán để có tiền tiêu xài. Mỗi lần lấy ma túy thì P giao cho N với tổng số tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nhưng không cần trả tiền trước, sau khi bán được hết ma túy thì mới trả tiền cho P, còn tiền lời N giữ lại. N không nhớ chính xác đã mua ma túy của P bao nhiêu lần và số tiền N đã bán ma túy số tiền lời là bao nhiêu. Khi N bán ma túy thì người mua sẽ trả tiền mặt cho N, còn trường hợp nếu không có tiền mặt thì chuyển khoản qua số tài khoản 1051190613 mở tại ngân hàng Vietcombank tên Huỳnh Văn Quỳnh N. Sau khi nhận ma túy từ P, N mang về phòng trọ và chia nhỏ ra thành nhiều gói nylon hàn kín rồi để lên đầu tủ lạnh trong phòng. T không trực tiếp phân chia ma túy với N nhưng biết vị trí N cất giấu ma túy để lấy ma túy bán, khi T ở nhà không đi làm mà có đối tượng đến mua thì T trực tiếp bán và nhận tiền. Ngoài ra, N còn mua ma túy đá của người không rõ nhân thân trên mạng xã hội Facebook (vì N đã xóa tên). Sau khi liên lạc, người này đến giao ma túy cho N tại nhà vào ngày 29/4/2025, N thanh toán tiền cho người này bằng cách sử dụng tài khoản để chuyển khoản theo mã QR mà người này đưa cho N chuyển tổng cộng số tiền là 5.500.000 đồng. Khi đến giao ma túy cho N, người thanh niên đi xe giống nhãn hiệu Wave (không nhớ biển số), khi đến ki-ốt của N, người này vào nhà đưa cho N 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên ngoài có dán băng keo màu đen bên trong chứa ma túy đá. Số ma túy mua được của người thanh niên này N để trên gác, mục đích dùng để bán cho đối tượng nghiện khác nhưng chưa phân nhỏ ra thì bị phát hiện, bắt giữ. Quá trình điều tra xác định, N và T đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó có Đỗ Hoàng S, Nguyễn Thanh P, Lê Văn A, Danh Duy, Lâm Nhựt T cụ thể N sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 30 tháng 4 năm 2025, Đỗ Hoàng S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Niosh, biển số 66VA-06825 đến ki-ốt ở đường số 4, KDC Đại Dũng thuộc khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) để gặp T hỏi mua 300.000 đồng ma túy. S lấy 300.000 đồng tiền mặt gồm một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 100.000 đồng để bên cạnh chỗ T ngồi (trong căn ki-ốt lúc này D và N cũng có mặt tại đây và nhìn thấy). Lúc này, T mới đứng lên vào trong và lấy ma túy trên nóc tủ lạnh gần đó đưa cho S một gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, bên ngoài được quấn băng keo màu đen nói là ma túy để xuống ngay chỗ S ngồi, S cầm lấy đứng lên đi ra về, khi ra ngoài S lấy gói ma túy để phía dưới thảm lót chân bên trái của xe mô tô nhãn hiệu Niosh, biển số 66VA-06825 rồi chạy về phòng trọ để sử dụng. Khi S điều khiển xe đến trước địa chỉ 79B/24 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) thì gặp tổ tuần tra Công an phường, do nghi vấn nên tổ tuần tra yêu cầu S dừng xe kiểm tra, quá trình kiểm tra tổ tuần tra phát hiện 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, bên ngoài được quấn băng keo màu đen ở phía dưới thảm lót chân bên trái của xe mô tô S đang điều khiển, Sự khai

nhận gói nylon trên là ma túy loại đá S mới mua của T với mục đích về để sử dụng nên tổ tuần tra đã lập biên bản niêm phong tang vật đưa Sư về Công an phường. Quá trình điều tra xác định S đã mua ma túy của T và N được 05 lần trong khoảng thời gian tháng 04/2025 nhưng không nhớ chính xác thời gian cụ thể, mỗi lần S mua ma túy với số tiền 200.000 đồng.

Đồng thời, khoảng 22 giờ cùng ngày, Lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính dãy trọ địa chỉ 100 đường số 4, KDC Đại Dũng, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D), thành phố Hồ Chí Minh. Khi kiểm tra đến phòng số 5 của dãy trọ do Danh D thuê ở thì D khai nhận bản thân có sử dụng trái phép chất ma túy. Do D và T làm công trình chung nên khoảng 19 giờ ngày 30 tháng 4 năm 2025 D lấy xe mô tô biển số 83P1-23187 của T gửi ở phòng trọ của D chạy qua căn ki ốt nơi T và N ở và ăn cơm, khi đến nơi D dựng xe trước căn ki ốt và đi mua bia về phòng trọ của T nhậu cùng với T và N. Quá trình ngồi nhậu cho đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì S đến ki ốt gặp Thương để hỏi mua 300.000 đồng ma túy loại đá và để tiền bên cạnh chỗ T ngồi, lúc này D nghe T nói S ngồi đợi và T đến đầu tủ lạnh lấy ma túy bán cho S, ma túy để trong 01 túi nylon hàn kín và được quấn bằng băng keo đen bên ngoài. Sau khi nhận được ma túy, S đi về và D tiếp tục ngồi nhậu cùng với T và N, đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 83P1-23187 đi về phòng trọ, khi về đến phòng trọ thì D gặp Công an kiểm tra hành chính dãy trọ nơi D ở, do lo sợ nên D tự khai nhận bản thân có sử dụng ma túy và giao nộp nỗ thủy tinh, cùng ống hút nhựa là một phần của bộ dụng cụ sử dụng ma túy. D khai nhận vào ngày 27/4/2025 có mua ma túy của T với số tiền là 200.000 đồng để về phòng trọ sử dụng hết một mình. D cùng với T và N là bạn nên quá trình quen biết, D biết việc T và N mua bán trái phép chất ma túy từ lâu và thực tế thấy T bán ma túy cho S vào ngày 30/4/2025. Tuy nhiên do nể nang nên D đã không đến cơ quan chức năng để tố giác hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T và N.

Khoảng 13 giờ ngày 01/5/2025, trong quá trình Công an phường tiến hành tuần tra trên địa bàn phát hiện đối tượng Lê Văn A có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Qua làm việc đối tượng khai nhận mua ma túy lần đầu của T tại căn ki ốt địa chỉ 91 đường số 4, KDC D, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 25/4/2025 với số tiền là 200.000 đồng để sử dụng hết một mình tại phòng trọ cùng ngày. Đến ngày 01/5/2025, Lê Văn A đến gặp T để tiếp tục mua ma túy nhưng đang trên đường đi thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/5/2025 do có nhu cầu sử dụng ma túy, Nguyễn Thanh P một mình điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 67G1-751.36 từ nhà trọ tại địa chỉ 5/5, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) đi đến ki ốt nhà số 91 đường số 4, khu dân cư Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) gặp N và hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và P chuyển khoản 200.000 đồng từ tài khoản của P tại ngân

hàng Vietcombank số 1036119711 vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1051190613 của N, sau khi P chuyển xong thì N đưa cho P một gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy loại đá, P cầm gói ma túy bỏ vào trong túi quần bên trái P đang mặc và điều khiển xe đi về. Khi đi đến trước số nhà 66 đường số 4, khu dân cư Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) thì bị Cơ quan Công an kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện bên trong túi quần bên trái P đang mặc có một gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, P khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy loại đá P mới mua được của N tại căn ki ốt, địa chỉ 91 đường số 4, KDC Đại Dũng, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh) và đang trên đường mang về phòng trọ để sử dụng. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật và đưa P về trụ sở làm việc và tạm giam để điều tra cho đến nay. Quá trình điều tra xác định Phong mua ma túy của T và N 02 lần, lần đầu khoảng đầu tháng 04/2025, lần thứ 2 là ngày 01/5/2025, mỗi lần P mua ma túy với số tiền 200.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2025 đến ngày 01/5/2025, N bán ma túy cho Lâm Nhựt T 04 lần tại phòng trọ của N bằng hình thức chuyển khoản: Sáng ngày 29/4/2025, N bán cho T 01 gói ma túy giá 400.000 đồng, tối ngày 29/4/2025 N bán cho T 01 gói ma túy giá 300.000 đồng; ngày 30/4/2025, N bán cho T 01 gói giá 200.000 đồng; ngày 01/5/2025, N bán cho T 01 gói giá 200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

* Thu giữ của Đỗ Hoàng S: 01 (một) gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, khối lượng 0,4084 gam; 01 (một) xe mô tô biển số 66VA-068.25, có số máy là VLD138QMBMA003628; số khung là RL9PCB3GNLAH01902; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y76s màu xanh, sim số 0395894195; 01 (một) bao thuốc lá hiệu Zet, bên trong bao thuốc lá có chứa 01 nỏ thủy tinh đã qua sử dụng không còn ma túy, 01 đoạn ống hút nhựa màu đen.

* Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh P: 01 (một) gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, khối lượng 0,1661 gam (ký hiệu M1); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, màu xám đen cam, biển số 67G1-75136, số khung RLCUG1010K Y228472, số máy G3D4E999505; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23, sim số 0908606440; 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 quẹt gas đã qua sử dụng.

* Thu giữ của bị cáo Danh D: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút nhựa; 01 (một) điện thoại di động có chữ OPPO.

* Thu giữ của các bị cáo Huỳnh Văn Quỳnh N và Nguyễn Hoài T.

- 01 (một) ly nhựa màu trắng, bên trong ly nhựa có chứa 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính chứa: Túi nylon miệng kéo dính (thứ nhất) bên ngoài có một miếng băng keo màu đen, bên trong chứa 04 (bốn) gói nylon hàn kín đều chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-1), khối lượng 1,0714 gam. Túi nylon miệng kéo dính (thứ hai) bên trong chứa 09 (chín) gói nylon hàn kín đều chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-2), khối lượng 1,5220 gam;

- 01 (một) hộp giấy không có nắp, bên trong hộp giấy bao gồm: 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng, 01 (một) cái hột quet, 01 (một) cái cân điện tử, 01 (một) ống hút nhựa bị cắt xéo, 03 (ba) túi nylon miệng kéo dính có kích thước khác nhau bên trong đều chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-1), khối lượng 5,9197 gam; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên ngoài có dán băng keo màu đen bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-2), khối lượng 9,2467 gam; 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-3), khối lượng 1,0209 gam; 01 (một) túi nylon miệng kéo dính và hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-4), khối lượng 0,2460 gam, và 01 (một) gói nylon miệng kéo dính không chứa gì;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (gồm có một ống hút nhựa, một chai nhựa, một nỏ thủy tinh bên trong chứa chất màu nâu (ký hiệu M4), khối lượng 0,0569 gam) và 01 hột quet gas;

- 01 (một) Điện thoại Samsung Galaxy A11 (nút vỡ mặt trước), có số IMEI1:356938142997932 và số IMEI2: 356489842997939;

- 01 (một) Điện thoại VIVO Y02t (nút vỡ mặt trước, sọc màn hình), có số IMEI1: 862238060553727 và số IMEI2: 862238060553735; 01 (một) Điện thoại có chữ OPPO;

- 01 (một) xe mô tô biển số 83P1 - 23187; có số khung RRRDCH9RRBD379784, số máy: 1PS0FMG-30100888020;

Kết quả kiểm tra nước tiểu tại trạm y tế phường A (nay là phường D) xác định Đỗ Hoàng S, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Thanh P, Danh D dương tính với ma túy (loại Methamphetamine).

Tại Bản kết luận giám định số: 1991/KL-KTHS(MT) ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Phòng Kỹ Thuật hình S Công an tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh) đối với: 01 (một) gói nylon hàn kín được quấn bằng keo đen, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ của Đỗ Hoàng S, kết luận giám định như sau: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,4084 gam;

Tại Bản kết luận giám định số: 2003/KL-KTHS(MT) ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đối với: 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Thanh P (ký hiệu M1); 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa 04 (bốn) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-1); 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa 09

(chín) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2-2); 03 (ba) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-1); 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng bên ngoài có dán miếng băng keo màu đen (ký hiệu M3-2); 01 (một) gói nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-3); 01 (một) túi nylon miệng kéo dính và hàn kín chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-4); 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong có chứa chất màu nâu thu giữ của Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T kết luận giám định như sau: Các chất tinh thể màu trắng, màu nâu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là M1= 0,1661 gam, M2-1= 1,0714 gam, M2-2= 1,5220 gam, M3-1= 5,9197 gam, M3-2= 9,2467 gam, M3-3= 1,0209 gam, M3-4= 0,2460 gam, M4= 0,0569 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T là 19,0267 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số: 4820/KL-KTHS(MT) ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với: Chất bám dính màu nâu (M1), (M2) gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

Tại Bản kết luận giám định số: 1932/KL-KTHS(MT) ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với: Chất bám dính gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

Đối với đối tượng Trần Trịnh Lam P bán ma túy cho Huỳnh Vân Quỳnh N: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác định địa điểm nơi ở của đối tượng P là căn ki ốt số 131 đường số 4, KDC Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) theo lời khai của N thì xác định được người thuê tên Trần Trịnh Lam P, sinh ngày: 28/12/1984, HKTT: tổ 43, KP6, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Số CCCD: 052184003929. Thời điểm xác minh, Trần Trịnh Lam P đã bỏ địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được P đang ở đâu, chưa làm việc được với P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định truy tìm P và tách hành vi bán ma túy của P để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho N: Quá trình điều tra xác định chủ tài khoản nhận tiền từ N là Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1995, HKTT: số 409/32 đường H, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra V khai nhận không có giao dịch mua bán ma túy với N, chỉ biết N qua người bạn xã hội tên T1 (không rõ nhân thân) ở trọ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ địa chỉ cụ thể). Đối với số tiền trong tài khoản V là tiền V nhờ nạp để chơi game. Vì vậy đối với người thanh niên bán ma túy cho Như, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi cất giấu 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy của Đỗ Hoàng S, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hoài T, Danh D chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P, T, S và D.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-DA ngày 04/5/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị truy tố các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P và Đỗ Hoàng S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Danh D về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T từ 09 năm đến 10 năm tù, xử phạt bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Danh D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 05 bì thư đã niêm phong, trong đó có 01 bì thư ghi số 2003M1/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc C, chữ ký của người lập biên bản Đỗ Hồng T, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, chữ ký của người bị bắt Nguyễn Thanh P và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương; 03 bì thư ghi số 2003M2/PC09, 2003M3/PC09, 2003M4/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Huỳnh Vân Quỳnh N chữ ký của người lập biên bản Lương Hoàng C, chữ ký của Điều tra viên Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương. Đồng thời 04 bì thư còn dán giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình S Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh P, Huỳnh Vân Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Ngọc D, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong 04 bì thư niêm phong có mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh (kèm theo kết luận giám định 2003/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025; 01 bì thư ghi số 1991/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Đỗ Hoàng S, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, người lập biên bản Nguyễn Hữu M, chữ ký của Điều tra viên

Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Đỗ Hoàng S, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Hoàng A, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1991/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025.

+ 02 bì thư đã niêm phong có ghi số 398M1/PC09 và 398M2/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ trả mẫu Nhan Thái H, cán bộ nhận mẫu Phạm Ngọc T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 4820/KL-KTHS ngày 12/9/2025.

+ 01 bì thư đã niêm phong có ghi số 104/PC09 và 398M2/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bì thư được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong bì thư niêm phong có 01 nỏ thủy tinh là mẫu vật hoàn trả lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1932/KL-KTHS ngày 16/01/2026.

+ 01 (một) bao thuốc lá hiệu Zet, 01 (một) ống hút nhựa màu đen thu giữ của Đỗ Hoàng S, 01 ống hút nhựa, 01 quẹt gas đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thanh P; 01 ống hút nhựa thu giữ của Danh D: 01 ly nhựa màu trắng, 01 hộp giấy không nắp, 01 cái kéo bằng kim loại, 1 cái hộp quẹt, 01 cân điện tử, 01 ống hút nhựa bị cắt xéo, 01 gói nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa, 01 hộp quẹt thu giữ của Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N.

+ Sim số 0908606440; Sim số 0395894195;

- Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động ViVo Y76s có số IMEI 1 869934066668831, số IMEI 2 869934066668823; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 (nút vỡ mặt trước), số IMEI 1 :356938142997932 và số IMEI: 356489842997939; 01 (một) Điện thoại, Samsung Galaxy A23 (nút vỡ mặt trước), có số IMEI 1: 354650134103856 và số IMEI 2: 355740244103851; 01 (một) Điện thoại VIVO Y02t (nút vỡ mặt trước, sọc màn hình), có số IMEI 1: 862238060553727 và số IMEI 2: 862238060553735.

- Đề nghị trả lại cho bị cáo Danh D 01 (một) Điện thoại có chữ OPPO (không có mặt khẩu đăng nhập thiết bị).

- Đề nghị giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, xử lý đối với 01 (một) xe mô tô biển số 83P1 23187; có số khung RRDCH9RRBD379784, số máy: 1PS0FMG-3010088802 thu giữ của Nguyễn Hoài T. Tình trạng xe: Yên xe bị rách, không có bửng hai bên, không gương chiếu hậu bên phải, bề mặt nạ, bề đuôi xe, không có hộp sên.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N giao nộp số tiền 3.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hoài T, Huỳnh Vân Quỳnh N, Đỗ Hoàng S, Nguyễn Thanh P và Danh D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội N nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. N vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 01/2025, Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T có hành vi cùng mua ma túy về phân thành các liều nhỏ để bán lại cho người nghiện nhằm lấy tiền tiêu xài. Cụ thể, N và T đã bán cho Đỗ Hoàng S 05 lần trong đó có ngày 30/4/2025 là 0,4084gam ma túy loại Methamphetamine; bán cho Nguyễn Thanh P 02 lần trong đó ngày 01/5/2025 là 0,1661gam ma túy loại Methamphetamine; bán cho Danh D 01 lần vào ngày 27/4/2025; Lê Văn A 01 lần vào ngày 25/4/2025; Lâm Nhựt T 04 lần vào các ngày 29/4/2025, ngày 30/4/2025, 01/5/2025. Đồng thời, các bị cáo Thương và N còn có hành vi cất giấu 19,0267gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho các đối tượng nghiện khác để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điểm b, i Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Danh D mặc dù đã biết các bị cáo T và N bán ma túy cho người nghiện khác và đã trực tiếp chứng kiến việc bị cáo T bán ma túy, sau đó dù có thời gian để bị cáo D trình báo với Cơ quan Công an nhưng bị cáo không tố giác tội phạm mà bỏ mặc cho tội phạm tiếp tục diễn ra. Hành vi của bị cáo Danh D đã đủ yếu tố cấu thành tội Không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/4/2025, trước nhà số 79B/24 khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, Đỗ Hoàng S có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,4084 gam, nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo Đỗ Hoàng S đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 01/5/2025, tại trước nhà số 66, đường số 4, khu dân cư Đ khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thanh P có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1661 gam, nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh P đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKS-DA ngày 04/5/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T thực hiện là rất nghiêm trọng; tội phạm do các bị cáo Nguyễn Thanh P và Đỗ Hoàng S thực hiện là nghiêm trọng; tội phạm do bị cáo Danh D thực hiện là ít nghiêm trọng. Các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Thanh P và Đỗ Hoàng S đã trực tiếp xâm phạm đến S quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo Danh D là người biết rõ bị cáo Nguyễn Hoài T Huỳnh Vân Quỳnh N mua bán trái phép chất ma túy nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền trình báo tuy là tội phạm ít nghiêm trọng nhưng ảnh hưởng đến việc phát hiện, đấu tranh xử lý những hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong tội Mua bán trái phép chất ma túy có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện tội phạm nên không coi là tội phạm có tổ chức. Xét về vai trò cụ thể của các bị cáo N sau: Bị cáo N và T cùng thuê nhà trọ sinh sống với nhau, bị cáo N là người đề xuất, liên hệ trực tiếp với người bán ma túy lấy ma túy về phân thành các liều nhỏ để bán cho người nghiện; bị cáo T là đồng phạm với bị cáo N, mặc dù bị cáo T không trực tiếp mua ma túy nhưng bị cáo đồng ý cho N sử dụng địa điểm nhà trọ làm nơi nhận và bán ma túy, bị cáo cũng là người trực tiếp bán ma túy cho người nghiện khi N không có nhà.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Danh D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về hình phạt:

+ Hình phạt chính: Xét các bị cáo Nguyễn Hoài T, Huỳnh Văn Quỳnh N, Nguyễn Thanh P và Đỗ Hoàng S phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào S quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy đồng thời các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét bị cáo Danh D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có đã có thời gian tạm giam đến nay đã hơn 01 năm, do đó đối với bị cáo Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tù có thời hạn và bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam, đồng thời áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình S tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

+ Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt chính cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo Huỳnh Văn Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Thanh P, Đỗ Hoàng S nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ 05 bì thư đã niêm phong, trong đó: 01 bì thư ghi số 2003M1/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc C, chữ ký của người lập biên bản Đỗ Hồng T, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, chữ ký của người bị bắt Nguyễn Thanh P và hình dấu tròn đỏ của Công an phường B, Công an tỉnh Bình Dương; 03 bì thư ghi số 2003M2/PC09, 2003M3/PC09, 2003M4/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Huỳnh Văn Quỳnh N chữ ký của người lập biên bản Lương Hoàng C, chữ ký của Điều tra viên Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương. Đồng thời 04 bì thư còn dán giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh P, Huỳnh Văn Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Ngọc D, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong 04 bì thư niêm phong có mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh (kèm theo kết luận giám định 2003/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025; 01 bì thư ghi số 1991/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Đỗ Hoàng S, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, người lập biên bản Nguyễn Hữu M, chữ ký của Điều tra viên

Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Đỗ Hoàng S, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Hoàng Â, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1991/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025; 02 bì thư đã niêm phong có ghi số 398M1/PC09 và 398M2/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ trả mẫu Nhan Thái H, cán bộ nhận mẫu Phạm Ngọc T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 4820/KL-KTHS ngày 12/9/2025; 01 bì thư đã niêm phong có ghi số 104/PC09 và 398M2/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bì thư được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong bì thư niêm phong có 01 nỏ thủy tinh là mẫu vật hoàn trả lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1932/KL-KTHS ngày 16/01/2026; 01 (một) bao thuốc lá hiệu Zet, 01 (một) ống hút nhựa màu đen thu giữ của Đỗ Hoàng S, 01 ống hút nhựa, 01 quẹt gas đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thanh P; 01 ống hút nhựa thu giữ của Danh D: 01 ly nhựa màu trắng, 01 hộp giấy không nắp, 01 cái kéo bằng kim loại, 1 cái hộp quẹt, 01 cân điện tử, 01 ống hút nhựa bị cắt xéo, 01 gói nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa, 01 hộp quẹt thu giữ của Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N; sim số 0908606440; Sim số 0395894195. Đây là những tài sản, đồ vật liên quan đến vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 túi niêm phong có họ tên, chữ ký của người giao Trần Minh T (PC09), bên nhận Phạm Ngọc T (PC04) và được dán băng niêm phong màu đỏ bên trong có: 01 điện thoại di động ViVo Y76s có số IMEI 1 869934066668831, số IMEI 2 869934066668823; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 (nút vỡ mặt trước), số IMEI 1 :356938142997932 và số IMEI: 356489842997939; 01 (một) Điện thoại, Samsung Galaxy A23 (nút vỡ mặt trước), có số IMEI 1: 354650134103856 và số IMEI 2: 355740244103851; 01 (một) Điện thoại VIVO Y02t (nút vỡ mặt trước, sọc màn hình), có số IMEI 1: 862238060553727 và số IMEI 2: 862238060553735 là mẫu vật hoàn trả lại sau giám định (kèm theo Kết luận giám định số 5048/KL-KTHS ngày 18/9/2025), đây là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) Điện thoại di động có chữ OPPO (không có mặt khẩu đăng nhập thiết bị) thu giữ của bị cáo Danh D, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 83P1 23187; có số khung RRDCH9RRBD379784, số máy: 1PS0FMG-3010088802 thu giữ của Nguyễn

Hoài T. Tình trạng xe: Yên xe bị rách, không có bửng hai bên, không gương chiếu hậu bên phải, bề mặt nạ, bề đuôi xe, không có hộp sên, quá trình điều tra xác định xe trên do anh Lâm Ngọc S đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy, anh Lâm Ngọc S đã chết ngày 10/11/2019. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của ông Lâm Ngọc S và bà Thạch Thị P là cha mẹ ruột của anh S xác định xe mô tô trên anh S đã bán và không còn quyền lợi nghĩa vụ gì. Bị cáo T khai nhận xe trên mua lại nhưng không có giấy tờ chứng minh, cũng không xác định được mua của ai, bị cáo xác định không sử dụng xe trên vào việc phạm tội, tuy nhiên do xe chưa rõ nguồn gốc nên cần giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, xử lý sau.

+ Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N đã thu lợi số tiền 3.000.000 đồng, do đó cần buộc các bị cáo nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với xe mô tô biển số 66VA - 068.25 có số máy là VLD138QMBMA003628; số khung là RL9PCB3GNLAH01902, Đỗ Hoàng S khai nhận mượn của bà Nguyễn Thị Bích T để đi công việc, quá trình điều tra xác minh được chủ sở hữu xe là bà Trần Thị P, sinh năm 1971, HKTT: Ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò (nay là xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Tuy nhiên, xe mô tô trên bà Phụng đã bán lại cho bà Nguyễn Thị Bích T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 30/4/2025, bà T về quê nghỉ lễ nên cho Đỗ Hoàng S mượn xe đi công việc và sau đó bị bắt. Việc bà T cho S mượn xe sau đó S dùng để đi mua ma túy, bà T không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh trả xe lại cho bà T là đúng quy định.

+ Đối với xe mô tô biển số 67G1-751.36, số khung RLCUG1010K Y228472, số máy G3D4E999505 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh P, bị cáo khai nhận mượn của con trai tên Nguyễn Văn P1, sinh năm 2000, HKTT: Tổ 33, ấp Bắc Đại, xã Nhơn Hội, tỉnh An Giang để đi công việc. Quá trình điều tra xác định được ngày 01/5/2025 Phồn cho cha là Nguyễn Thanh P mượn xe đi công việc và sau đó bị bắt. Việc P1 cho bị cáo P mượn xe sau đó dùng để đi mua ma túy anh P1 không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh trả xe lại cho anh Phồn là đúng quy định.

[10] Ngày 29/4/2025, bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N mua ma túy và chuyển khoản QR số tiền 5.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định được người đứng tên tài khoản là Nguyễn Hoàng V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã làm việc với Nguyễn Hoàng V nhưng V không thừa nhận bán ma túy cho N, đồng thời Huỳnh Vân Quỳnh N không nhận dạng được Nguyễn Hoàng V có phải là người giao ma túy cho N vào ngày 29/4/2025. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra, làm rõ đôi chất nhưng không được. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không đề nghị xử lý V là phù hợp. Đối với người bán ma túy cho N vào ngày 29/4/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng Trần Trịnh Lam P bán ma túy cho Huỳnh Vân Quỳnh N: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác định địa điểm nơi ở của đối tượng

P xác định là căn ki ốt số 131 đường số 4, KDC Đại Dũng, khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh) theo lời khai của N, xác định được người thuê tên Trần Trịnh Lam P, sinh ngày: 28/12/1984, HKTT: tổ 43, KP6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Số CCCD: 052184003929. Thời điểm xác minh, Trần Trịnh Lam P đã bỏ đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được P đang ở đâu, chưa làm việc được với P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định truy tìm P và tách hành vi bán ma túy của P để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh về xử lý đối với các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Thanh P, Đỗ Hoàng S là phù hợp nên chấp nhận. Đối với bị cáo Danh D là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N và Nguyễn Hoài T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh P và Đỗ Hoàng S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Tuyên bố bị cáo Danh D phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Về hình phạt:

+ Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2025.

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2025.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2025.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh D 01 (một) năm 26 (hai mươi sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2025 đến ngày 28/5/2026 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù).

Tuyên trả tự do cho bị cáo Danh D ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 89; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 05 bì thư đã niêm phong, trong đó: 01 bì thư ghi số 2003M1/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Quốc C, chữ ký của người lập biên bản Đỗ Hồng T, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, chữ ký của người bị bắt Nguyễn Thanh P và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương; 03 bì thư ghi số 2003M2/PC09, 2003M3/PC09, 2003M4/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Huỳnh Vân Quỳnh N chữ ký của người lập biên bản Lương Hoàng C, chữ ký của Điều tra viên Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương. Đồng thời 04 bì thư còn dán giấy niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thanh P, Huỳnh Vân Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Ngọc D, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong 04 bì thư niêm phong có mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 nỏ thủy tinh (kèm theo kết luận giám định 2003/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025); 01 bì thư ghi số 1991/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Đỗ Hoàng S, chữ ký của người chứng kiến Đinh Công K, người lập biên bản Nguyễn Hữu Mạnh, chữ ký của Điều tra viên Trần Nguyễn Kim T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường An Bình, Công an tỉnh Bình Dương, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương có chữ ký của người chứng kiến Đỗ Hoàng S, chữ ký của cán bộ trả mẫu Nguyễn Hoàng Â, cán bộ nhận mẫu Nguyễn Thành T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1991/KL-KTHS (MT) ngày 09/5/2025);

+ 02 bì thư đã niêm phong có ghi số 398M1/PC09 và 398M2/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời bì thư còn được dán niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ trả mẫu Nhan Thái H, cán bộ nhận mẫu Phạm Ngọc T. Bên trong bì thư niêm phong có mẫu vật còn lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 4820/KL-KTHS ngày 12/9/2025);

+ 01 bì thư đã niêm phong có ghi số 104/PC09 bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bì thư được dán niêm phong của Phòng Kỹ

thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong bì thư niêm phong có 01 nỏ thủy tinh là mẫu vật hoàn trả lại sau giám định (kèm theo kết luận giám định số 1932/KL-KTHS ngày 16/01/2026); 01 (một) bao thuốc lá hiệu Zet, 01 (một) ống hút nhựa màu đen thu giữ của Đỗ Hoàng S, 01 ống hút nhựa, 01 quẹt gas đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thanh P; 01 ống hút nhựa thu giữ của Danh D, 01 ly nhựa màu trắng, 01 hộp giấy không nắp, 01 cái kéo bằng kim loại, 1 cái hộp quẹt, 01 cân điện tử, 01 ống hút nhựa bị cắt xéo, 01 gói nylon miệng kéo dính bên trong không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa, 01 hộp quẹt thu giữ của Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N; sim số 0908606440; sim số 0395894195.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động ViVo Y76s có số IMEI 1 869934066668831, số IMEI 2 869934066668823; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 (nứt vỡ mặt trước), số IMEI 1 :356938142997932 và số IMEI: 356489842997939; 01 (một) Điện thoại, Samsung Galaxy A23 (nứt vỡ mặt trước), có số IMEI 1: 354650134103856 và số IMEI 2: 355740244103851; 01 (một) Điện thoại VIVO Y02t (nứt vỡ mặt trước, sọc màn hình), có số IMEI 1: 862238060553727 và số IMEI 2: 862238060553735;

- Trả lại cho bị cáo Danh D 01 (một) Điện thoại di động có chữ OPPO (không có mặt khẩu đăng nhập thiết bị);

- Giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra xử lý đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Fusin, số loại C110-AE màu đen vàng, dung tích xi lanh 108cm³ biển số 83P1 23187; có số khung RRDCH9RRBD379784, số máy: 1PS0FMG-3010088802.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hoài T và Huỳnh Vân Quỳnh N nộp lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2026 của Phòng thi hành án dân S Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Vân Quỳnh N, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Thanh P, Đỗ Hoàng S và Danh D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình S sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo (05);
- VKSND Khu vực 16 – TP.HCM (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP.Hồ Chí Minh (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Phòng thi hành dân S Khu vực 16 – TP.HCM (01);
- Phòng PV 06 Công an TP.HCM (01);
- Sở tư pháp TP.HCM (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (05);
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Liễn

